

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 69/2021/HS-ST
Ngày 15-11-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Dương Minh;

Ông Lê Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Huyền T, sinh ngày 27-12-1996 tại huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Lê Thị D; có chồng là Lưu Quang T (đã ly hôn năm 2017); con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lê Văn T, sinh ngày 22-02-1990 tại huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Đ và bà Hoàng Thị T; có vợ là Bùi Thị Anh L và có 02 con; lớn nhất 08 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn D; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 04-6-2021, tại chốt kiểm soát dịch bệnh Covid 19 thuộc thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; cơ quan chức năng đã phát hiện bắt quả tang Lê Văn T điều khiển xe ô tô Hyundai biển kiểm soát 20A-22452 chở Cam Thiệu M và Tống B (quốc tịch Trung Quốc) với mục đích xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Quá trình điều tra đã xác định được:

Khoảng tháng 11-2020, khi đang làm việc tại quán cà phê số 02 K, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; Lê Thị Huyền T có quen Cam Thiệu M, cả hai cho nhau số điện thoại và tài khoản Wechat, sau đó thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua Wechat; mỗi lần liên lạc, Lê Thị Huyền T sử dụng phần mềm Google dịch.

Tháng 01-2021, Lê Thị Huyền T xin nghỉ việc ở quán cà phê và đến thuê nhà ở tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Cuối tháng 5-2021, Cam Thiệu M liên lạc qua Wechat nói cho Lê Thị Huyền T biết Công an thành phố Hà Nội đang tăng cường kiểm tra chỗ ở của người nước ngoài, Cam Thiệu M và bạn của mình là Tống B đều không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp nên đang cản trở về Trung Quốc. Lê Thị Huyền T nói, nếu Cam Thiệu M cần giúp gì thì bảo với Lê Thị Huyền T.

Ngày 03-6-2021, Cam Thiệu M điện thoại báo cho Lê Thị Huyền T biết đã tìm được người đón và đưa Cam Thiệu M cùng Tống B xuất cảnh trái phép; Cam Thiệu M nhờ Lê Thị Huyền T đưa Cam Thiệu M và Tống B lên khu vực biên giới Lạng Sơn và hứa trả 1.000NDT/người. Lê Thị Huyền T đồng ý và bảo Cam Thiệu M đi taxi lên Thái Nguyên đến nơi Lê Thị Huyền T đang ở trọ. Khi Cam Thiệu M và Tống B lên đến Thái Nguyên, Lê Thị Huyền T bố trí cho họ ở 01 phòng trên tầng 3 tại nhà trọ mà Lê Thị Huyền T thuê để đợi người đến đón đưa về Trung Quốc.

Ngày 04-6-2021, Cam Thiệu M nhờ Lê Thị Huyền T liên hệ với người hẹn đón Cam Thiệu M. Lê Thị Huyền T cho Cam Thiệu M số điện thoại 0347.499.0xx của Lê Thị Huyền T để liên lạc; một lát sau có số điện thoại 0338.796.1xx gọi cho Lê Thị Huyền T. Khi biết Cam Thiệu M và Tống B đang ở thành phố T, người sử dụng số điện thoại 0338.796.1xx bảo Lê Thị Huyền T bố trí xe đưa họ đến Lạng Sơn. Lê Thị Huyền T gọi Lê Văn T đến chở Cam Thiệu M và Tống B đến Lạng Sơn với giá 2.000.000 đồng/chuyến đồng thời cho Lê Văn T số điện thoại 0338.796.1xx để tiện liên lạc với người đón Cam Thiệu M và Tống B. Để lợi về thời gian di chuyển, Lê Văn T điện thoại cho Nguyễn Văn D đến đón Cam Thiệu M và Tống B tại nơi ở của Lê Thị Huyền T, đưa về thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên rồi sang xe Lê Văn T. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi Lê Văn T điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 20A-224.52 đi đến

chốt kiểm soát dịch bệnh Covid 19 thuộc thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thì bị phát hiện bắt giữ.

Với nội dung nêu trên, bản Cáo trạng số 124/CT-VKS-P2 ngày 07-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lê Thị Huyền T và Lê Văn T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Lê Thị Huyền T trình bày: Bị cáo thấy Cam Thiều M là người nước ngoài, không biết tiếng Việt, không thông thạo đường đi nên bị cáo giúp đỡ; bị cáo không nghĩ đến hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra, mong Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị cáo Lê Văn T trình bày: Bị cáo làm nghề lái taxi, chiều 04-6-2021 khi bị cáo đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Lê Thị Huyền T bảo đến đón 02 người khách Trung Quốc đang ở phòng trọ của Lê Thị Huyền T đi Lạng Sơn để về Trung Quốc. Do không muốn đi ngược lên thành phố T nên bị cáo nhờ Nguyễn Văn D là bạn cùng lái taxi đón khách hộ và hẹn nhau tại thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên để sang khách; bị cáo đã thanh toán tiền xe cho Nguyễn Văn D theo giá cước của hãng taxi và không nói cho Nguyễn Văn D biết khách đón là người Trung Quốc đang có mục đích xuất cảnh về Trung Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Huyền T và bị cáo Lê Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc bị phát giác, bị cáo Lê Thị Huyền T đã đến Cơ quan Công an để đầu thú; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử bị cáo Lê Thị Huyền T cung cấp Huân chương kháng chiến của ông Lê Văn H (ông nội của bị cáo) và phiếu thu nộp tiền ủng hộ quỹ phòng chống Covid tại địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; riêng bị cáo Lê Thị Huyền T đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị Huyền T và bị cáo Lê Văn T mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ô tô Hyundai biển kiểm soát 20A-22452 mà bị cáo Lê Văn T điều khiển trở 02 công dân Trung Quốc đã được Cơ quan điều tra trả cho chủ sở hữu là Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Taxi M trước khi vụ án được đưa ra xét xử. Những vật chứng đã chuyển Cơ quan Thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động

Samsung thu giữ của bị cáo Lê Văn T; trả bị cáo Lê Văn T 01 chứng minh nhân dân.

Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi, bị cáo Lê Thị Huyền T và bị cáo Lê Văn T có hành vi đưa 02 công dân quốc tịch Trung Quốc từ thành phố T đến Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; trên đường đi đến địa phận thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng quy định của pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án hình sự đồng phạm giản đơn, do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Sau khi tiếp nhận thông tin từ Cam Thiều M, bị cáo Lê Thị Huyền T đã chủ động hướng dẫn Cam Thiều M di chuyển từ Hà Nội lên Thái Nguyên rồi tạo điều kiện chỗ ở, hỗ trợ việc gọi xe và liên lạc với người đón Cam Thiều M ở Lạng Sơn. Vì vậy, bị cáo Lê Thị Huyền T là người có vai trò chính; bị cáo Lê Văn T là đồng phạm giúp sức, có vai trò thứ yếu hơn.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của

bản thân nên cả 02 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi sự việc bị phát giác, bị cáo Lê Thị Huyền T đã đến Cơ quan Công an để đầu thú, bị cáo có ông nội là Lê Văn H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo tham gia ủng hộ quỹ phòng chống Covid 19 tại địa phương; bị cáo Lê Văn T được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo và gia đình luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân và được công nhận gia đình văn hóa. Vì vậy, các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Huyền T trình bày bị cáo đang mang thai nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi mà nhất thời phạm tội. Mặc dù bị cáo Lê Thị Huyền T là người có vai trò chính trong vụ án nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo Lê Văn T. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức hình phạt phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo trong cùng vụ án.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với 02 công dân quốc tịch Trung Quốc là Cam Thiệu M và Tống B đều khai nhận: Cam Thiệu M và Tống B nhờ A (quốc tịch Trung Quốc) đưa sang Việt Nam để tìm việc làm. Trong thời gian ở Hà Nội, Cam Thiệu M quen Lê Thị Huyền T và thường liên lạc với nhau qua Wechat; do không tìm được việc làm nên Cam Thiệu M nhờ Lê Thị Huyền T đưa đến khu vực biên giới Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép về nước và hứa khi về đến Trung Quốc an toàn thì sẽ trả cho Lê Thị Huyền T 1.000NDT/người nhưng trên đường đi thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngày 07-6-2021, Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính đối với 02 công dân quốc tịch Trung Quốc có tên nói trên.

[10] Đối với Nguyễn Văn D làm nghề lái xe taxi, người được bị cáo Lê Văn T gọi điện thoại nhờ đón 02 khách tại phường T, thành phố T và đưa về thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên cho Lê Văn T. Nguyễn Văn D không biết đó là khách Trung Quốc, không biết mục đích đưa 02 người khách đó đến Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét trách nhiệm của Nguyễn Văn D.

[11] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0338.796.1xx mà các bị cáo khai nhận là người liên lạc để đón 02 Cam Thiều M và Tống B tại Lạng Sơn. Cơ quan điều tra đã xác minh thông tin của số điện thoại nói trên, chủ thuê bao là Phạm Toàn, sinh năm 1998; địa chỉ: xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Kết quả ủy thác điều tra, Phạm T không sử dụng số điện thoại nói trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác định Phạm T có liên quan đến vụ án.

[12] Về biện pháp tư pháp: Các bị cáo chưa được nhận tiền công nên không áp dụng biện pháp tư pháp đối với các bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng: Đối với xe ô tô Hyundai biển kiểm soát 20A-22452 và giấy tờ kèm theo mà bị cáo Lê Văn T điều khiển chở ở Cam Thiều M và Tống B đã được Cơ quan điều tra trả cho chủ sở hữu là Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Taxi M trước khi vụ án được đưa ra xét xử nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với chiếc điện thoại mà Lê Thị Huyền T sử dụng để liên lạc với Cam Thiều M, Lê Thị Huyền T khai nhận: Sau khi biết Lê Văn T bị bắt, Lê Thị Huyền T đã vứt chiếc điện thoại này vào thùng rác ở thành phố Thái Nguyên nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Đối với chiếc điện thoại Nokia và điện thoại Samsung thu giữ của bị cáo Lê Văn T do liên quan đến hành vi phạm tội nên cần được tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước. Trả lại bị cáo Lê Văn T 01 chứng minh nhân dân vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

[14] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ý kiến, đề nghị nào có căn cứ, phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí: Do các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Thị Huyền T;

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106; khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Huyền T, bị cáo Lê Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Lê Thị Huyền T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI1 357739100027509, IMEI2 357739102027507, bên trong lắp 02 sim và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 359051/09/052324/2 (kiểm tra trên vỏ máy), bên trong lắp 01 sim.

3.2 Trả bị cáo Lê Văn T 01 Chứng minh nhân dân số 0915775595 mang tên Lê Văn T do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 17-02-2011.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn; có đặc điểm được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12-10-2021).

5. Về án phí: Các bị cáo Lê Thị Huyền T, bị cáo Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; THS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy